

THƯ MỜI BÁO GIÁ
Các gói thầu mua hóa chất, sinh phẩm chẩn đoán in vitro
và vật tư y tế năm 2024

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý trang thiết bị Y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 04/3/2023 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện các giải pháp đảm bảo thuốc, trang thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ tế quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp các dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Biên họp ngày 04/12/2023 của Hội đồng mua sắm xây dựng yêu cầu kỹ thuật cơ bản cho hóa chất, sinh phẩm chẩn đoán in vitro và vật tư y tế năm 2024 do Trung tâm Y tế đấu thầu;

Trung tâm Y tế huyện Mường Ảng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu mua hóa chất, sinh phẩm chẩn đoán in vitro và vật tư y tế năm 2024 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Mường Ảng

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn Mường Ảng, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư Y tế, Trung tâm Y tế huyện Mường Ảng.
Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn Mường Ảng, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.
Điện thoại: 0986383432.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Một trong các phương thức tiếp nhận sau

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư Y tế, Trung tâm Y tế huyện Mường Ảng. Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn Mường Ảng, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Điện thoại: 0986 383 432.

- Nhận qua email: khoaduocma@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 06 tháng 12 năm 2023 đến trước 17h ngày 19 tháng 12 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2023.

6. Mẫu báo giá: Theo mẫu quy định tại Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ tế Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế: Danh mục chi tiết kèm theo.

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư Y tế, Trung tâm Y tế huyện Mường Ảng. Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn Mường Ảng, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Điện thoại: 0986 383 432.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Sau 15 ngày kể từ khi hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Điều khoản tạm ứng: Không.

- Điều khoản thanh toán: Trong vòng 90 ngày, kể từ ngày Bên mua nhận được đầy đủ chứng từ hợp lệ (theo quy định hiện hành) của Nhà thầu. Quá thời hạn này (nếu không phải do nguyên nhân khách quan chưa được cấp có thẩm quyền cấp kinh phí), nếu Bên mua vẫn chưa thanh quyết toán đầy đủ tiền hàng hoá gây khó khăn về mặt tài chính cho nhà thầu, làm chậm tiến độ cung ứng hàng hoá, ảnh hưởng đến công tác khám, chữa bệnh thì Bên mua phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.

5. Các thông tin khác (nếu có): Không.

Trung tâm Y tế huyện Mường Ảng thông báo mời tham gia báo giá các gói thầu mua hóa chất, sinh phẩm chẩn đoán in vitro và vật tư y tế năm 2024. Kính đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam có nguyện vọng tham gia các gói thầu trên gửi báo giá đến Trung tâm Y tế huyện Mường Ảng theo địa chỉ trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công thông tin điện tử của SYT tỉnh Điện Biên, TTYT;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

BsCKII. Bùi Thanh Hải

DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

Gói thầu mua hóa chất, sinh phẩm chẩn đoán in vitro, và vật tư y tế năm 2024

(Kèm theo Thư mời báo giá số 543/TM-TTYT ngày 05/12/2023 của Trung tâm Y tế huyện Mường Ảng)

STT	Tên danh mục	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Đơn vị tính
A. Hóa chất				
I. Thành phần 1: Hóa chất cho máy xét nghiệm huyết học Mindray BC-3600				
1	Dung dịch pha loãng	Sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học Mindray BC-3600. Thành phần: Sodium Chloride, Sodium Sulfate Anhydrous, Buffering Agents, Anti-fungal and Anti - bacterial Agents. Dung tích ≥ 20 Lít.	32	Hộp/ thùng/ chai/ lọ
2	Dung dịch pha loãng hồng cầu	Dung dịch dùng cho máy huyết học Mindray BC-3600. dùng phá vỡ tế bào không có cyanide để định lượng hemoglobin và để đếm và xác định kích thước bạch cầu. Thành phần: Quarternary Ammonium Salts, Nonion Surfactant, Isopropano, Ethanol. Dung tích ≥ 500 ml.	20	Hộp/ thùng/ chai/ lọ
3	Dung dịch rửa máy	Sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học Mindray BC-3600. Thành phần: Sodium Sulfate Anhydrous, Sodium Chloride, Anti-fungal and Anti - bacterial Agents, Polyoxyethylene Ester. Dung tích ≥ 5.5 Lít.	32	Hộp/ thùng/ chai/ lọ
4	Dung dịch rửa máy đậm đặc	Sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học Mindray BC-3600. Thành phần: Proteolytic Enzym, Surfactant, Sodium Chloride, Anti-fungal and Anti - bacterial Agents, Buffering Agents. Dung tích ≥ 100 ml.	5	Hộp/ thùng/ chai/ lọ
5	Dung dịch rửa điện cực	Sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học Mindray BC-3600. Thành phần: Surfactant, Sodium Hypochlorous, Sodium hydroxide. Dung tích ≥ 17 ml.	20	Hộp/ thùng/ chai/ lọ
6	Hóa chất kiểm chuẩn	Sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học Mindray BC-3600; Dung tích ≥ 3 ml.	2	Hộp/ thùng/ chai/ lọ
II. Thành phần 2: Hóa chất cho máy xét nghiệm huyết học Hemix 5-60				
1	Dung dịch pha loãng	Sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học Hemix 5-60. Chất dùng để pha loãng mẫu, Thành phần chứa: Bộ đệm hữu cơ, Muối	4	Hộp/ thùng/ chai/ lọ

STT	Tên danh mục	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Đơn vị tính
		natri, Chất bảo quản. Dung tích ≥ 20 Lít.		
2	Dung dịch phá vỡ hồng cầu 5 thành phần	Sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học Hemix 5-60. Dung dịch ly giải phân tách thành phần Bạch cầu. Dung tích ≥ 1 Lít.	4	Hộp/ thùng/ chai/ lọ
3	Dung dịch phá vỡ hồng cầu	Sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học Hemix 5-60. Chất ly giải hồng cầu, hỗ trợ đếm HGB, thành phần có chứa: Đệm khoáng, Muối natri, Chất bảo quản. Dung tích ≥ 5 Lít.	4	Hộp/ thùng/ chai/ lọ
4	Dung dịch rửa máy đậm đặc	Sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học Hemix 5-60. Chất rửa máy khi bật tắt máy, thành phần: Natri hypochlorit $< 4\%$. Dung tích ≥ 60 ml.	2	Hộp/ thùng/ chai/ lọ
5	Mẫu máu chuẩn máy 5 thành phần	Sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học Hemix 5-60. Dùng để kiểm chuẩn máy huyết học 5 thành phần Bạch cầu. Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO13485. Dung tích ≥ 3 ml.	2	Hộp/ thùng/ chai/ lọ
III. Thành phần 3 : Hóa chất cho máy xét nghiệm huyết học Swelab alpha				
1	Dung dịch pha loãng	Chức năng: Dung dịch pha loãng có pha kèm chất rửa để rửa hệ thống lấy mẫu tự động. Đóng gói: ≥ 20 lít	12	Hộp/ thùng/ chai/ lọ
2	Dung dịch phá vỡ hồng cầu	Chức năng: Dung dịch ly giải phá vỡ hồng cầu, tương thích với hệ thống máy tự động hoàn toàn. Phá vỡ nhanh, tự động, đảm bảo kết quả chính xác. Đóng gói: ≥ 5 lít	12	Hộp/ thùng/ chai/ lọ
IV. Thành phần 4 : Hóa chất vật tư xét nghiệm cho máy sinh hóa AU480, AU380 ...				
1	Chất định lượng Acid Uric	Hóa chất dùng xét nghiệm Acid Uric. Tương thích với máy AU480, AU380. Thành phần: Phosphate Buffer, Ascorbate Oxidase , Potassium Ferrocyanide , Aminophenazone. Dung tích (R1 + R2) ≥ 492 ml Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE.	2	Hộp
2	Chất định lượng Albumin	Hóa chất dùng xét nghiệm Albumin.	1	Hộp

STT	Tên danh mục	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Đơn vị tính
		Tương thích với máy AU480, AU380. Thành phần chính: Citrate Buffer, romocresol Green. Dung tích (R1 + R2) \geq 480 ml Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE.		
3	Chất định lượng Amylase	Hóa chất dùng xét nghiệm Amylase. Tương thích với máy AU480, AU380. Thành phần: Sodium Chloride, Magnesium Chloride, α -Glucosidase, Hepes Buffer . Dung tích (R1 + R2) \geq 492 ml Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485, CE.	1	Hộp
4	Chất định lượng Bilirubin Direct	Hóa chất dùng xét nghiệm Bilirubin trực tiếp. Tương thích với máy AU480, AU380. Thành phần: Hydrochloric Acid, Acid (- 2,5-dichlorophenyl diazonium salt (DPD). Dung tích (R1 + R2) \geq 112 ml Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE.	6	Hộp
5	Chất định lượng Bilirubin Total	Hóa chất dùng xét nghiệm Bilirubin toàn phần. Tương thích với máy AU480, AU380. Thành phần: Hydrochloric Acid (HCl) , Accelerator, 2,5-dichlorophenyl diazonium salt(DPD.) Dung tích (R1 + R2) \geq 697 ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485, CE.	2	Hộp
6	Chất định lượng Cholesterol	Hóa chất dùng xét nghiệm Cholesterol. Tương thích với máy AU480, AU380. Thành phần: Mg ²⁺ , Phenol, Peroxidase , Cholesterol Esterase. Dung tích \geq 780 ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485, CE .	3	Hộp
7	Chất định lượng Creatinine	Hóa chất dùng xét nghiệm Creatine. Tương thích với máy AU480, AU380. Thành phần: Alkaline Buffer ,Picric Acid. Dung tích (R1 + R2) \geq 742 ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485, CE.	5	Hộp
8	Chất định lượng Glucose	Hóa chất dùng xét nghiệm Glucose.	6	Hộp

STT	Tên danh mục	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Đơn vị tính
		Tương thích với máy AU480, AU380. Thành phần: Phosphate Buffer, 4-Aminoantipyrine, Phenol. Dung tích (R1 + R2) \geq 798 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE.		
9	Chất định lượng GOT/AST	Hóa chất dùng xét nghiệm AST. Tương thích với máy AU480, AU380. Thành phần: L-Aspartate , MDH , α -Ketoglutarate . Dung tích (R1 + R2) \geq 495 ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485, CE .	7	Hộp
10	Chất định lượng GPT/ALT	Hóa chất dùng xét nghiệm ALT. Tương thích với máy AU480, AU380. Thành phần: TRIS Buffer , L-Alanine , LDH , α -Ketoglutarate . Dung tích (R1 + R2) \geq 495 ml. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485, CE .	7	Hộp
11	Chất định lượng Total Protein	Hóa chất dùng xét nghiệm Total protein. Tương thích với máy AU480, AU380. Thành phần: potassium Sodium Tartrate, Potassium Iodide NaOH . Dung tích (R1 + R2) \geq 786 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE .	4	Hộp
12	Chất định lượng Triglycerid	Hóa chất dùng xét nghiệm Triglycerides. Tương thích với máy AU480, AU380. Thành phần: PIPES Buffer, 4 Chlorophenol, Mg ²⁺ . Dung tích (R1 + R2) \geq 780 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE .	4	Hộp
13	Chất định lượng Urea UV	Hóa chất dùng xét nghiệm Urea. Tương thích với máy AU480, AU380. Thanh phần: TRIS Buffer pH , α KG , ADP. Dung tích (R1 + R2) \geq 654 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE .	5	Hộp
14	Dung dịch rửa máy	Dung dịch dùng để làm sạch hệ thống đo của máy . Thành phần:Sulfonic acids, C13-17-sec-alkane, sodium salts , Genapol,	10	Hộp

STT	Tên danh mục	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Đơn vị tính
		Sodium hydroxide . Dung tích ≥ 2000 ml. Tiêu chuẩn: ISO13485, CE .		
15	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hoá cơ bản	Sử dụng để hiệu chuẩn trong định lượng hóa sinh lâm sàng. Tương thích với máy AU480, AU380.. Thành phần Huyết thanh với các chất phụ gia hóa học và chiết xuất mô có nguồn gốc từ người và động vật. Các giá trị được xác minh dựa trên rất nhiều bộ hiệu chuẩn chính có thể truy nguyên theo các phương pháp tham chiếu hoặc nguyên vật liệu tham chiếu. Dung tích ≥ 50 ml. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO13485.	1	Hộp
16	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm sinh hoá mức trung bình	Sử dụng để xác minh hiệu suất của thuốc thử và thiết bị trong định lượng của các hóa chất khác nhau. Tương thích với máy AU480, AU380. Thành phần: Huyết thanh với chất phụ gia và chiết xuất mô có nguồn gốc người và động vật. Nồng độ cụ thể theo lô. Dung tích ≥ 100 ml.	1	Hộp
17	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm sinh hoá mức bất thường	Sử dụng để xác minh hiệu suất của thuốc thử và thiết bị trong định lượng của các hóa chất khác nhau. Tương thích với máy AU480, AU380. Thành phần: Huyết thanh với chất phụ gia và chiết xuất mô có nguồn gốc người và động vật. Nồng độ cụ thể theo lô. Dung tích ≥ 100 ml.	1	Hộp
18	Bóng đèn cho máy sinh hóa AU480	Bóng đèn Halogen, 12V, 20W	4	Cái
19	Bóng đèn cho máy sinh hóa AU380	Bóng đèn Halogen, 12V, 20W	4	Cái
V. Thành phần 5: Hóa chất cho máy Clover A1c Self (Xét nghiệm HBA1C)				
1	Test xét nghiệm HBA1C (Dạng cartridge 1 test)	Cartridge xét nghiệm Hba1c trong máu	600	Test
2	Test hiệu chuẩn hàng tháng (Dạng cartridge 1 test)	Cartridge hiệu chuẩn xét nghiệm Hba1c	6	Test

STT	Tên danh mục	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Đơn vị tính
3	Dung dịch kiểm chứng HBA1C	Kiểm chuẩn Hba1c. Đóng gói hộp 2 lọ x 0,5 ml	1	Hộp
VI. Thành phần 6: Hóa chất cho máy xét nghiệm miễn dịch FA160				
1	Khay/ test thứ xét nghiệm TSH	Khay thứ xét nghiệm TSH trên máy miễn dịch huỳnh quang	400	test
2	Khay/ test thứ xét nghiệm T3	Khay thứ xét nghiệm T3 trên máy miễn dịch huỳnh quang	400	test
3	Khay/ test thứ xét nghiệm T4	Khay thứ xét nghiệm T4 trên máy miễn dịch huỳnh quang	400	test
4	Khay/ test thứ xét nghiệm Hba1c	Khay thứ xét nghiệm Hba1c trên máy miễn dịch huỳnh quang	400	test
5	Khay/ test thứ xét nghiệm CRP	Khay thứ xét nghiệm CRP trên máy miễn dịch huỳnh quang	200	test
6	Khay/ test thứ xét nghiệm HCG	Khay thứ xét nghiệm β -HCG trên máy miễn dịch huỳnh quang	400	test
VII. Thành phần 7: Hóa chất cho máy điện giải (CONVERGUS ISE AUTO)				
1	ISE K+ electrode	Điện cực K dùng cho máy điện giải Convergyp	4	Cái
2	ISE Na+ electrode	Điện cực Na dùng cho máy điện giải Convergyp	4	Cái
3	ISE Ca++electrode	Điện cực Ca dùng cho máy điện giải Convergyp	4	Cái
4	ISE Calibrator-1	Dung dịch chuẩn 1 cho máy điện giải Convergyp. Quy cách hộp ≥ 480 ml.	2	Hộp
5	ISE Calibrator-2	Dung dịch chuẩn 2 cho máy điện giải Convergyp. Quy cách hộp ≥ 200 ml.	2	Hộp
6	ISE Reference Filling Solution	Dung dịch ngâm điện cực tham chiếu. Quy cách lọ ≥ 10 ml.	2	Lọ
7	ISE Electrode Filling Solution	Dung dịch ngâm điện cực. Quy cách lọ ≥ 10 ml.	2	Lọ
8	ISE Cleaning solution kit	Nước rửa máy. Quy cách bộ 4 x 10 ml.	2	Bộ
9	ISE Cl- electrode	Điện cực Cl dùng cho máy điện giải Convergyp	4	Cái
VIII. Thành phần 8: Huyết thanh mẫu và Hồng cầu mẫu				

STT	Tên danh mục	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Đơn vị tính
1	Huyết thanh mẫu A	Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-A: dòng vô tính sifin A-11H5. Quy cách lọ $\geq 10\text{ml}$	15	Lọ
2	Huyết thanh mẫu B	Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-B: dòng vô tính sifin B-6F9. Quy cách lọ $\geq 10\text{ml}$	15	Lọ
3	Huyết thanh mẫu AB	Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-AB: dòng vô tính sifin A-5E10 và dòng vô tính sifin B-2D7. Quy cách lọ $\geq 10\text{ml}$	15	Lọ
4	Huyết thanh mẫu RH1 (Anti D Rh)	Thuốc thử của xét nghiệm được sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy tế bào từ các dòng tế bào lai BS225. Quy cách lọ $\geq 10\text{ml}$	3	Lọ
5	Huyết thanh coombs (Anti-Human Globulin)	Thuốc thử xét nghiệm xác định Anti Human globulin (AHG). Quy cách lọ $\geq 10\text{ml}$	3	Lọ
6	Hồng cầu mẫu A	Dùng trong phương pháp hồng cầu mẫu trong xét nghiệm. Quy cách lọ $\geq 10\text{ml}$	4	Lọ
7	Hồng cầu mẫu B	Dùng trong phương pháp hồng cầu mẫu trong xét nghiệm. Quy cách lọ $\geq 10\text{ml}$	4	Lọ
8	Hồng cầu mẫu O	Dùng trong phương pháp hồng cầu mẫu trong xét nghiệm. Quy cách lọ $\geq 10\text{ml}$	4	Lọ
B. SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN INVITRO				
1	Test nhanh chẩn đoán HIV	Độ nhạy 100% , độ đặc hiệu $\geq 99,75\%$, Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 60 phút, không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch đệm (chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương. Hàm lượng chính: Antibody, anti HIV-1, Antibody Anti HIV-2, Antigen (pGO9-CKS/XL-1) HIV-1 Group O, Antigen (pGO11-CKS/XL-1) HIV-1 Group O, Antigen (PjC100) HIV-2, Antigen (pOM10/PV361) HIV-1, Antigen (pTB319/XL-1) HIV-1, HIV-1 Peptide Antigen, HIV-2 peptide Antigen.	3.000	Test
2	Test nhanh chẩn đoán HIV	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 gồm type phụ O và HIV-2 và phân biệt trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99.8% Thành phần: Phức hợp vàng: Kháng nguyên HIV-1 gp41, p24, HIV-2	1.000	Test

STT	Tên danh mục	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Đơn vị tính
		gp36 tái tổ hợp – chất keo vàng ($1,0 \pm 0,2 \mu\text{g}$), vạch thử 1: Kháng nguyên HIV -1 tái tổ hợp (gp41, p24) ($0,625 \pm 0,125 \mu\text{g}$), vạch thử 2: Kháng nguyên HIV -2 tái tổ hợp (gp36) ($0,5 \pm 0,1 \mu\text{g}$), vạch chứng: Huyết thanh dê có kháng thể HIV ($0,75 \pm 0,15 \mu\text{g}$) Không có phản ứng chéo với các mẫu thử tách máu, mẫu rối loạn đông máu, mẫu chứa yếu tố dạng thấp, mẫu dương tính với kháng thể kháng HCV và mẫu máu phụ nữ mang thai.		
3	Test nhanh chẩn đoán HIV	Phát hiện các type kháng thể IgG, IgA,... đặc hiệu với HIV-1 và HIV-2 Đạt tiêu chuẩn ISO13485. Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần Độ nhạy: 99.47%, Độ đặc hiệu: 99.87% Thành phần Kit thử: Cộng hợp vàng HIV-Ag tái tổ hợp. Vạch kết quả Anti-human IgG-Fe Mcab.	40	Test
4	Test nhanh chẩn đoán viêm gan B	Độ nhạy 98,4% , độ đặc hiệu $\geq 99,6\%$; Giới hạn phát hiện $\leq 0.1\text{IU/ml}$. Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 30 phút ,không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch đệm(chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương. Thành phần tại vạch test: Kháng thể đơn dòng ở chuột kháng HbsAg Biotinyl và các hạt màu đen được phủ kháng thể đơn dòng ở chuột kháng HBsAg. Hàm lượng : Anti-HBs antibody A1 (233ng/Test); Anti-HBs antibody B1 (17 ng/Test); Anti-HBs antibody B2 (6 ng/Test); Anti-HBs antibody B3 (6 ng/Test); Kháng thể trên thanh kiểm soát (17 ng/Test)	2.000	Test
5	Test nhanh chẩn đoán viêm gan B	Phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh, huyết tương Đạt tiêu chuẩn ISO13485 Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương. Độ nhạy:100%, Độ đặc hiệu: 99.88% Thành phần Kit thử: Vùng cộng hợp IgG chuột kháng HBsAg-04. Vạch kết quả IgG chuột kháng HBsAg-B20. Vạch chứng IgG dê kháng chuột. Bảo quản ở nhiệt độ thường. Ngưỡng phát hiện 1ng/ml.	400	Test

STT	Tên danh mục	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Đơn vị tính
6	Test nhanh chẩn đoán viêm gan C	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần Phát hiện kháng thể kháng HCV trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người. Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: 100 % Thành phần Kit thử: Cộng hợp vàng kháng thể đơn dòng kháng Igg người Vạch kết quả kháng nguyên HCV-210 Vạch chứng IgG người Bảo quản ở nhiệt độ thường	2.000	Test
7	Test thử nước tiểu (dùng cho máy URIT-500B)	Test 11 thông số dùng cho máy URIT-500B	15.000	Test
8	Test thử nước tiểu (dùng cho máy Mindray AU-66)	Test thử nước tiểu dùng cho máy Mindray AU-66	1.200	Test
9	Test thử nước tiểu (dùng cho máy Reactif Touch Plus)	Test thử nước tiểu dùng cho máy Reactif Touch Plus	1.200	Test
10	Test nhanh chuẩn đoán Morphin	Test nhanh theo phương pháp miễn dịch, là xét nghiệm định tính, phát hiện nồng độ chất gây nghiện (ma túy, heroin/morphin) trong nước tiểu của cơ thể người ở ngưỡng giá trị nồng độ cut-off là 300. Mẫu sử dụng: Nước tiểu Độ chính xác tương đồng với kit thương mại khác > 99.9% Tiêu chuẩn ISO, CE, hoặc tương đương.	600	Test
11	Test thử ma túy 4 trong 1	Test nhanh xét nghiệm định tính, đồng thời MOP300/MDMA500/MET1000/THC50 trong nước tiểu Tiêu chuẩn CE; ISO 13485 Độ chính xác tương đồng với kit thương mại khác > 99.9%	600	Test
C. VẬT TƯ Y TẾ				
I. Vật tư y tế chung				
1	Băng bột bó 10cm x 2,7m	Làm từ bột thạch cao liền gạc, kích thước 10cm x 2,7m. Thời gian đông kết dưới 5 phút, bột đảm bảo độ trắng mịn, không gây kích ứng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, hoặc tương đương.	1.200	Cuộn

STT	Tên danh mục	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Đơn vị tính
2	Băng bột bó 15cm x 2,7m	Làm từ bột thạch cao liền gạch, kích thước 15cm x 2,7m. Thời gian đông kết dưới 5 phút, bột đảm bảo độ trắng mịn, không gây kích ứng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, hoặc tương đương.	200	Cuộn
3	Băng cuộn 15cm x 5m	Kích thước 15cm x 5m. Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao, không có độc tố. Hai đầu cuộn băng bằng, không lệch, không xơ. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, hoặc tương đương.	1.200	Cuộn
4	Băng cuộn 5cm x 5m	Kích thước 5cm x 5m. Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao, không có độc tố. Hai đầu cuộn băng bằng, không lệch, không xơ. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, hoặc tương đương.	1.200	Cuộn
5	Băng keo chỉ thị nhiệt hấp ướt	Thiết kế băng giấy phủ keo dính Acrylic và vạch mực chỉ thị hóa học	10	Cuộn
6	Băng keo chỉ thị nhiệt sấy	Băng keo chỉ thị nhiệt hấp khô, độ bám dính tốt. Thông số đạt khi chỉ thị chuyển màu.	10	Cuộn
7	Băng keo lụa 5cm x 5m	Vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate, số sợi 44x19,5 sợi/cm, keo Zinc oxide không dùng dung môi phủ đều. Lõi nhựa liền cánh bảo vệ.	1.200	Cuộn
8	Bao cao su	Làm bằng latex tự nhiên, trong mờ và không màu, không mùi. Chiều dài: size 52. Độ dày: 0,065mm ±0,015mm. Độ nhớt: 200-350 CS. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	1.200	Cái
9	Bộ rửa dạ dày cao su	Công dụng: hỗ trợ trong việc súc, rửa dạ dày bằng một hệ thống khép kín. Làm từ mũ cao su tự nhiên. Size: 22mm và 28mm. Được đóng gói riêng lẻ trong từng túi.	10	Bộ
10	Bơm cho ăn 50ml	Xy lanh dung tích ≥ 50ml được sản xuất từ nhựa y tế. Vạch chia dung tích rõ nét.	200	Cái

STT	Tên danh mục	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Đơn vị tính
		Độc xy lạnh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. Sản phẩm được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.		
11	Bơm tiêm nhựa 10ml	Xy lạnh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế. Vạch chia dung tích rõ nét. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy. Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn,. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1".không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Sản phẩm được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	60.000	Cái
12	Bơm tiêm nhựa 1ml	Xy lạnh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế Vạch chia dung tích rõ nét. Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Sản phẩm được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	4.000	Cái
13	Bơm tiêm nhựa 20ml	Xy lạnh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế. Vạch chia dung tích rõ nét. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy. Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Sản phẩm được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn 13485 hoặc tương đương.	6.000	Cái
14	Bơm tiêm nhựa 50ml	Xy lạnh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế. Vạch chia dung tích rõ nét. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy. Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Sản phẩm được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	2.000	Cái
15	Bơm tiêm nhựa 5ml	Xy lạnh dung tích 5ml được sản xuất từ nhựa y tế. Vạch chia dung tích rõ nét. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy. Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1".không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Sản phẩm được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	120.000	Cái
16	Bông thấm nước	Sản xuất từ 100% bông xơ thiên nhiên. Bông trắng, không mùi, mềm mịn, dai, không bị toi, thấm nước, không lẫn tạp chất. Bông dạng dải, được cuộn thành cuộn chắc	140	Kg

STT	Tên danh mục	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Đơn vị tính
17	Chỉ không tiêu liên kim các số (từ 1/0 - 8/0)	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp Polyamide (nylon) các số, kim tam giác . Tiêu chuẩn CE - Châu Âu hoặc tương đương.	600	Sợi
18	Chỉ lạnh 20g	Có các size và chiều dài như sau: • Size 20 160m • Size 30 190m • Size 40 220m • Size 50 260m • Size 60 300m • Size 70 320m • Size 80 360m • Size 100 430m. Đạt tiêu chuẩn ISO	10	Cuộn
19	Chỉ tiêu liên kim số 1/0;2/0; 3/0; 4/0; 5/0	Kim tròn, độ cong 1/2 vòng tròn, Là loại chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi, tiết trùng, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Kim bằng thép không rỉ 300 phủ silicone, tiết trùng EO.	1.440	Sợi
20	Chỉ tiêu liên kim số 2/0;	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp: PGLA số 2/0, 3/0, 4/0 Đa sợi bền, màu tím, tiết khuẩn. Vật liệu cấu tạo: 100% Poly (glycolide-co-lactide) (90/10: gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide) (PGLA). 1 kim thân tròn, 1/2 vòng tròn, kim dài 26 mm; chỉ dài 75 cm.	120	Sợi
21	Chỉ tiêu nhanh liên kim	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglycolic acid, số 2/0, dài 90cm, kim tròn 1/2c, dài 36 mm, có phủ Poly(epsilon-caprolactone) và Calcium Stearate, kim thép không gỉ series 302 phủ silicon XtraCoat	360	Sợi
22	Cloramin B	Hàm lượng Clo hoạt tính ≥ 25	150	Kg
23	Cồn 70 độ	Thành phần : ethanol , nước Hàm lượng Ethanol > 70% Hàm lượng Methanol < 0.02 Màu trong không có vẩn đục Công dụng : sát khuẩn khử trùng dụng cụ, trang thiết bị y tế. Sát trùng ngoài da	600	Chai
24	Cồn 96 độ	Cồn đạt 96 độ, Trong suốt, không màu. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	200	Lít
25	Đầu côn vàng	Dùng để cắm vào pipette để hút mẫu làm xét nghiệm	20.000	Cái
26	Đầu côn xanh	Dùng để cắm vào pipette để hút mẫu làm xét nghiệm	10.000	Cái
27	Dầu Parafin	Chai 1 lít	4	Lít
28	Dây Garo	Kết hợp sợi poly, sợi cao su lưu hóa, và sợi cotton	200	Cái

STT	Tên danh mục	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Đơn vị tính
29	Dây hút dịch phẫu thuật	Các cỡ, bề ngoài thân ống dây dẫn có rãnh chống bẹp, dẻo dai và độ đàn hồi cao, chịu áp lực âm cao (-75kpa) không bị bóp méo. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	40	Bộ
30	Dây hút nhót các số	Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhãn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Khóa van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số, có 2 loại có nắp và không nắp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	600	Cái
31	Dây nối bơm tiêm điện 75cm	Dây nối bơm tiêm điện. Dây chất liệu PVC không Latex. Dây dài 75 cm. Đường kính trong 0.9mm đường kính ngoài 1.9mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	60	Cái
32	Dây thở oxy các cỡ	Chất liệu nhựa PVC y tế bao gồm dây dẫn và gọng mũi. Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. Ống không bị tác động bởi oxy hay thuốc Đâu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu. Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn. Dây dẫn có chiều dài ≥ 2 m, lòng ống có khóa chống gập. Đóng gói 1 cái/túi và tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485 hoặc tương đương.	1.000	Bộ
33	Dây truyền dịch	Dây dẫn: Dài 1500mm, được làm từ nhựa nguyên sinh PVC trắng silicon có độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng. Có công tiêm thuốc. Đầu nối kim thiết kế khóa vặn để khóa chặt kim (Luer lock). Van thoát khí (van lọc khí): có thiết kế màng lọc khuẩn.	12.000	Bộ
34	Dây truyền dịch kim cánh bướm	Van khóa điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. Buồng nhỏ giọt thể tích ≥ 8.5 ml, có màng lọc dịch $\leq 15\mu\text{m}$. Có bầu cao su tiếp thuốc. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền ≥ 1700 mm. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 3,5x3,5 cm để thoát hết dư lượng khí	12.000	Bộ

STT	Tên danh mục	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Đơn vị tính
		EO trong quá trình tiệt trùng. Dây truyền dịch kèm kim hai cánh bướm 23Gx3/4". Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luôn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.		
35	Đè lưỡi gỗ sử dụng một lần	Làm từ gỗ tự nhiên, thớ mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh. đạt độ cứng, nhẵn cao, an toàn trong sử dụng. Sản phẩm được tiệt trùng.	6.000	Cái
36	Đồng hồ Ô-xy	Chất liệu đồng thau, tốc độ dòng chảy từ 1~15l/phút. Bộ bao gồm: Dây thở oxy, mặt nạ oxy, bình tạo âm.	20	Cái
37	Dung dịch khử khuẩn	Can 3,78l Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, thành phần ORTHO-PHTHALALDEHYDE 0,55%, pH 7.2 - 7.8 Thời gian ngâm khử khuẩn mức độ cao cho dụng cụ là 5 phút, tái sử dụng trong vòng 14 ngày. Thời gian bảo quản dung dịch trong can là 75 ngày tính từ khi mở nắp, có que thử. Không gây ăn mòn dụng cụ, tương thích với nhiều loại dụng cụ và vật liệu (kể cả Polystyrene, Cyanoacrylate) Diệt được hầu hết các loại vi khuẩn, vi rút, Trùng khuẩn lao (Mycobacterium bovis). Môi trường sử dụng không cần thông khí đặc biệt. Có thể dùng cho quy trình xử lý bằng tay và bằng máy. Đạt các tiêu chuẩn: EC, ISO 13485, CFS hoặc tương đương	24	can
38	Dung dịch rửa tay chlorhexidin 4%	Chlorhexidine Digluconate 4% (w/w) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alcohol Ethoxylates, Alkyl Polyglycoside, Aloe Vera, Cocamide Diethanolamine, Vitamin E, Cocamidopropyl Betaine, Polyquatium 7 ...) vừa đủ 100%	40	Chai
39	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ y tế	Thành phần: Enzyme Protease subtilisin 0,5%, pH trung tính không gây ăn mòn dụng cụ. Tác dụng sau 1 phút. Đạt tiêu chuẩn chất lượng EC, ISO, CFS hoặc tương đương	36	chai
40	Dung dịch vệ sinh tay sát khuẩn thường	Chlorhexidine Digluconate 1% (w/w) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alcohol Ethoxylates, Aloe Vera, Cocamide Diethanolamine,	100	Chai

STT	Tên danh mục	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Đơn vị tính
	quy loại 1 lít	Vitamin E, Cocamidopropyl Betaine, ...) vừa đủ 100%.		
41	Formol	Chai 500 ml	4	Chai
42	Gạc hút	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Trọng lượng 25-27 g/m ² . Tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Chứng nhận hoặc tương đương.	8.000	Mét
43	Gạc phẫu thuật không dệt vô trùng	Gạc được sản xuất từ vải không dệt thấm hút nhanh. Vải dạng lưới có lỗ, mềm, mịn, có màu trắng đồng nhất. Không có hóa chất tẩy trắng, không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương; Quy cách: 7,5 x 7,5cm x 6 lớp vô trùng	2.000	Miếng
44	Gạc phẫu thuật ổ bụng cản quang vô trùng	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Trọng lượng 25-27 g/m ² . Tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương. Quy cách: 30 x 40cm x 6 lớp vô trùng.	1.200	Miếng
45	Gạc phẫu thuật vô trùng	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Trọng lượng 25-27 g/m ² . Tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách: 10 x 10cm x 8 lớp vô trùng	6.000	Miếng
46	Găng tay kiểm tra các cỡ	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da, có cỡ S và M. Thuận cho cả tay trái và tay phải, dài trung bình 240mm. Độ dày tối thiểu 1 lớp áp dụng cho các cỡ: 0,08mm.	120.000	Đôi
47	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng dùng trong sản khoa	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da. Được tiệt trùng bằng khí EO, đóng gói mỗi túi/ đôi. Có cỡ 7.0-7.5. Chiều	20	Đôi

STT	Tên danh mục	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Đơn vị tính
		dài: 450, chiều rộng lòng bàn tay size 7: 89±5mm, 7.5: 95 ± 5 mm; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.		
48	Găng tay tiệt trùng các số	Bề dày trung bình 0,15÷20mm, Chiều dài trung bình 280mm, Chiều rộng lòng bàn tay: Size 61/2: 83±5mm, Size 7: 89±5mm, Size 71/2: 95±5mm. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	7.200	Đôi
49	Gel bôi trơn	Trong suốt, không màu, không mùi. Tan trong nước và dễ dàng rửa sạch bằng nước thường. Thành phần chính: Nước cất, Hydroxyethyl cellulose, glycerine, natri hydroxid, sodium benzoat. Giới hạn nhiễm khuẩn: -Mẫu thử phải không có sự hiện diện của các vi khuẩn sau: Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Candida albicans. Tổng số nấm trong 1g (ml) mẫu thử, nhỏ hơn 10 ¹ (CFU/g hoặc CFU/ml). Tổng số vi sinh vật hiếu khí: < 10 ² (CFU/g hoặc CFU/ml). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	100	Tuýp
50	Gel siêu âm	Trong suốt, không màu hoặc màu xanh, dễ dàng tan trong nước và dễ dàng rửa sạch bằng nước thường. Giới hạn nhiễm khuẩn: Mẫu thử phải không có sự hiện diện của các vi khuẩn sau: Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa. Tổng số nấm trong 1g (ml) mẫu thử, nhỏ hơn 10 ¹ (CFU/g hoặc CFU/ml). Tổng số vi sinh vật hiếu khí: < 10 ² (CFU/g hoặc CFU/ml). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	30	Can
51	Giấy điện tim	Kích thước rộng 50-55mm phù hợp với máy. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	40	Cuộn
52	Giấy điện tim 3 cần	Kích thước rộng 60-65mm phù hợp với máy Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	40	Cuộn
53	Giấy in nhiệt	Kích thước rộng 50 phù hợp với máy. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	50	Cuộn
54	Giấy monitor sản khoa	150mm x 90mm x 150 Tờ	100	Tập
55	Giấy siêu âm	Kích thước 11cm x 20m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	280	Cuộn
56	Hydrochloric Acid đậm đặc	Công thức hoá học HCl	1	Lít
57	Kẹp rốn	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	1.200	Cái
58	Khẩu trang 3 lớp vô trùng	Khẩu trang y tế 3 lớp vô trùng	4.000	Cái

STT	Tên danh mục	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Đơn vị tính
		+ 2 lớp ngoài vải không dệt + Lớp vi lọc ở giữa (lớp màng lọc khuẩn) có tác dụng ngăn các giọt bắn, lọc bụi, vi khuẩn, đóng vai trò quan trọng nhất. Yêu cầu đối với lớp vi lọc là thấm khí, không thấm nước + 1 thanh tựa mũi: Bằng nhựa 100% nguyên chất hoặc kẽm bọc nhựa + 2 dây đeo tai: bằng sợi polyester và spandex, độ co giãn tốt. Màu sắc đồng đều, không loang lổ.		
59	Khí oxy trong bình	Đóng bình 40 lít	500	Bình
60	Khí oxy trong bình	Đóng bình 10 lít	80	Bình
61	Khóa 3 chạc có dây nối	Khóa ba chạc kèm dây nối 25cm: đầu khóa chắc chắn không rò rỉ, van 1 chiều an toàn. Dây nối 25cm chất liệu PCV không gây sốt, không chất cao su, tương thích với các loại thiết bị, chống xoắn dây.	200	cái
62	Kim cánh bướm các cỡ	Bộ kim cánh bướm, cỡ 23G, 25G. Dây dẫn bằng chất liệu nhựa nguyên sinh PVC, dài ≥ 30 cm, đường kính trong 1.5mm, đường kính ngoài 2.5mm, không DEHP. Kim bằng vật liệu thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ, có nắp chụp. Có đầu kết nối Luer lock. Đạt tiêu chuẩn 13485 hoặc tương đương.	60.000	Cái
63	Kim châm cứu các số	Kim châm cứu vô trùng loại dùng 1 lần. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	120.000	Cái
64	Kim chích máu	Đầu kim thép không gỉ vát ba đầu sắc nhọn, dùng với bút chích máu. Tiết trùng bằng tia Gamma.	200	Cái
65	Kim chọc dò và gây tê tủy sống các cỡ	Kim chọc dò tủy sống, thích hợp cho gây tê tủy sống. Chuôi kim trong suốt, có phản quang, có dấu hiệu nhận biết mặt vát hướng lên hoặc hướng xuống.	720	Cái
66	Kim khâu phẫu thuật tròn + 3 cạnh các số	Được sản xuất bằng thép Cacbon với công nghệ sản xuất hiện đại cho đầu kim nhọn, sắc nhọn. Công dụng: dùng để khâu vết thương.	400	Cái
67	Kim lấy thuốc các số	Kim các số, Vi đựng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485	120.000	Cái
68	Kim luồn tĩnh mạch các số	Nòng kim bằng thép không gỉ, sắc, cắt vát 3 mặt. Thân catheter chất liệu ETFE. Đầu catheter ôm kim. Các số 18,20,22,24G.	12.000	Cái

STT	Tên danh mục	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Đơn vị tính
		Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.		
69	Kim luồn tĩnh mạch tiêm truyền trẻ em 24G-26G	Kim luồn tĩnh mạch chất liệu FEP, có 3 vạch cản quang ở thân catheter, có cánh nhỏ, kim sắc 3 mặt vát tạo độ bền tối ưu. Thân kim không chứa kim loại sử dụng được trong phòng MRI. Tiệt trùng bằng công nghệ EO. Có sẵn nút chặn kim luồn khi không sử dụng tiêm truyền Các cỡ: 24G x 3/4 , 26G.	4.000	cái
70	Lam kính	Độ dày: 1.0-1.2 mm. Kích thước: 25.4 x 76.2mm(1" x 3") ±1mm. Kính mài mờ 1 đầu.	720	Cái
71	Lọ mẫu bệnh phẩm (cốc đòm)	Chất liệu nhựa PVC	600	Cái
72	Lưỡi dao phẫu thuật tiệt trùng (bầu + lá lúa)	Chất liệu : Thép không gỉ. Sử dụng cho các phẫu thuật Mắt, tai mũi họng , thẩm mỹ ...	2.400	Chiếc
73	Mask gây mê	Chất liệu nhựa PVC y tế, có van bơm khí. Mask được thiết kế đặt tới dưới cằm nhằm gắn tốt vào mặt trên phạm vi rộng. Mask Oxy nồng độ cao có túi được làm từ nhựa PVC chuyên cho y tế, trong suốt, mềm mại giúp cho bệnh nhân thoải mái và có thể nhìn quan sát được quá trình thực hiện. Kích cỡ người lớn, trẻ em, sơ sinh	20	Cái
74	Mask khí dung	Mặt nạ khí dung làm bằng nhựa PVC y tế, kẹp mũi có thể điều chỉnh. Dây chống xoắn 2m, màu sắc trong suốt. Đóng gói riêng từng chiếc.	20	Cái
75	Mask oxy có túi	Làm bằng silicon hoặc plastic, có túi. Các đường mép nhẵn, êm làm cho bệnh nhân dễ chịu và giảm sự kích ứng. Dây dẫn cung cấp oxy dạng ống dài 200cm. Túi 1 bộ. Đạt tiêu chuẩn ISO,.	20	Cái
76	Miếng cầm máu mũi	Miếng cầm máu mũi, kích thước 8.0 x 2 x 1.5 (cm), vật liệu polyvinyl, có dây. Đóng gói riêng từng miếng, tiệt trùng.	20	Miếng
77	Mũ phẫu thuật vô trùng	Miếng cầm máu mũi, kích thước 8.0 x 2 x 1.5 (cm), vật liệu polyvinyl, có dây. Đóng gói riêng từng miếng, tiệt trùng.	4.000	Cái
78	Natri clorid dùng ngoài	Dung dịch trong, không màu. Chai ≥ 500ml chứa Natri clorid 0,9%, dùng để rửa vết thương, súc miệng....	1.200	Chai
79	Nẹp cổ cứng	Có khóa Velcro, thiết kế gồm 2 mảnh riêng biệt. Hỗ trợ sơ cứu chấn	4	Cái

STT	Tên danh mục	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Đơn vị tính
		thương đốt sống cổ, treo cổ hoặc căng cổ quá mức, hỗ trợ sau phẫu thuật đốt sống cổ.		
80	Nhiệt kế đo thân nhiệt người	Gồm 2 phần: Phần cảm nhận nhiệt độ là bầu đựng thủy ngân và phần hiển thị kết quả là thang chia vạch.	120	Cái
81	Nước cất vô trùng	Nước cất 1 lần. Can 5n lít, 10 lít.	400	Lít
82	Ống chống cắn lưỡi (Canuyn Mayo hoặc tương đương)	Size : 0.0; 0; 1;2; 3;4	30	Cái
83	Ống chống đông EDTA	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP , kích thước ống 12x75mm, Có nắp đậy kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống. Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ.	24.000	Cái
84	Ống chống đông Heparin	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, Nắp nhựa LDPE đậy kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống. Hóa chất: Được bơm hóa chất chống đông Lithium Heparin dưới dạng hạt sương, Kích thước ống 12x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 5 - 10 phút.	20.000	Cái
85	Ống nghiệm thủy tinh (các loại, các cỡ)	Chất liệu thủy tinh	10.000	Cái
86	Ống nội khí quản có cốp các số	Bóng thể tích lớn áp lực thấp an toàn khi lưu lâu. Độ cong tương thích sinh học, có đường cản quang đậm dọc ống , nhãn an toàn.	240	Cái
87	Ống nội khí quản mềm không cốp các số	Không bóng và có cản quang, ống có đầu nối tiêu chuẩn. Đạt tiêu chuẩn ISO	60	Cái
88	Ống thông dạ dày các số	Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr,14Fr,16Fr,18Fr). Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485	200	Cái
89	Ống thông hậu môn	Các số 22,24,26,28. Dây dẫn dài 400mm được sản xuất từ chất liệu nhựa	20	Cái

STT	Tên danh mục	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Đơn vị tính
		PVC nguyên sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO		
90	Parafin (dạng rắn)	Parafin dạng rắn dùng trong y tế	100	Kg
91	Phim X Quang 20x25 cm	Kích cỡ 20x25cm, dùng cho máy in phim khô hiệu suất cao Fujifilm Drypix Smart hoặc tương đương	19.500	Tờ
92	Phim X Quang 25x30 cm	Kích cỡ 25x30cm, dùng cho máy in phim khô hiệu suất cao Fujifilm Drypix Smart hoặc tương đương	6.000	Tờ
93	Phim X Quang 35x43 cm	Kích cỡ 35x43cm, dùng cho máy in phim khô hiệu suất cao Fujifilm Drypix Smart hoặc tương đương	3.600	Tờ
94	Săng giấy	Sản phẩm được làm từ vải không dệt PP. Không thấm nước, không thấm dịch, mịn màng và ít sợi bông nên đảm bảo an toàn cho bệnh nhân. Vải không dệt giúp duy trì nhiệt độ cơ thể bệnh nhân. Không có kim loại nặng. Không có nấm mốc, vi sinh vật lạ. Kích thước: 50cm x 50cm không lỗ, vô trùng. Quy cách: 1 cái/gói;	600	Cái
95	Sâu máy thở (Ống nối ống đặt nội khí quản)	Dùng để nối ống đặt nội khí quản. Các loại	100	Cái
96	Sonde dẫn lưu ổ bụng các số	Dây trơn láng, mềm dẻo và trong suốt, không gây đọng dịch máu trong dây.	60	Cái
97	Sonde Foley 2 nhánh số 8 - 26	Sonde Foley 2 nhánh các số 8 - 26. Sản xuất từ cao su thiên nhiên, tráng Silicone trong lòng.	400	Cái
98	Sonde Nelaton các số	Ống dài 40cm, bằng cao su. Đầu hở với 2 lỗ bên giúp dẫn lưu tối đa. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	200	Cái
99	Tấm trải nylon vô trùng	Được làm nguyên liệu màng nylon HD, màu trắng trong, kích thước 100cm x 130cm. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	100	Cái
100	Tay dao điện	Đầu 3 giác nối với dây dài 3m. Tay dao cấu tạo như cây viết với một đầu để lắp đầu dao mổ, trên thân tay dao có hai nút bấm tương ứng với hai chế độ cắt (CUT) và cầm máu đơn cực (COAG). Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	50	Cái
101	Than hoạt	Than hoạt dùng trong y tế	2	Kg
102	Túi camera nilon vô trùng	Nguyên liệu: được làm từ ống nylon, màu trắng trong, kích thước fi 18x	100	Cái

STT	Tên danh mục	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Đơn vị tính
		230cm, có dây buộc 2 ly; túi nylon 9cm x 14cm, có dây bằng cotton. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.		
103	Túi đựng nước tiểu	Dung tích 2000ml, có bảng ghi thông tin bệnh nhân; Van xả thoát đáy chữ T; có hoặc không có quai treo. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO	400	Bộ
104	Vôi soda	Dùng để hấp thụ khí CO ₂ trong phòng chống độc. Thành phần chính Ca(OH) ₂ . NaOH, hạt màu trắng, sáng hoặc hồng nhạt. Đạt tiêu chuẩn ISO	18	Kg
II. Vật tư y tế ngoại khoa				
105	Chỉ thép liền kim các số	Chỉ thép số . Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bề dai chống rách ngăn khuẩn hiệu quả. Kim thép 300, 302 phủ silicone	20	Sợi
106	Đinh Kirschner	Đường kính từ 0/1.2/1.5/1.8/2.0/2.5/3.0mm, dài 150/180/230/250/280/300/350mm. Vật liệu thép y tế không gỉ	50	Cái
107	Mũi khoan dùng trong thủ thuật, phẫu thuật xương	Mũi khoan đk 2.0mm đến 4.5mm dài 130mm. Chất liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn ISO/CE hoặc tương đương	10	Cái
108	Nẹp bản nhỏ các cỡ	Nẹp dày 2.5mm; rộng: 10.0mm; khoảng cách lỗ nẹp: 12mm; Số lỗ trên thân nẹp: từ 4 đến 12 lỗ; tương ứng với chiều dài từ 54/66/78/90/102/114/126/150mm. Đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất. Tương thích trợ cụ đồng bộ bắt vít. Đạt chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương; chất liệu thép không gỉ.	20	Cái
109	Nẹp bản rộng xương đùi	Nẹp dày 5.0mm; rộng 16.0mm; khoảng cách lỗ nẹp: 16mm . Số lỗ trên thân nẹp: từ 5 đến 18 lỗ; tương ứng với chiều dài từ 87/103/119/135/151/167/183/199/215/231/247/263/279/295mm Tương thích trợ cụ đồng bộ bắt vít; chất liệu thép không gỉ,	15	Cái
110	Nẹp chữ T các loại	Loại (4 lỗ; 5 lỗ; 6 lỗ; 8 lỗ; 10 lỗ) vít 4.5 mm. Chất liệu thép không gỉ	10	Cái
111	Nẹp lòng máng 1/3, 6 lỗ, 8 lỗ vít 3.5mm	Nẹp dày 1.5mm; rộng: 10.0mm; khoảng cách lỗ nẹp: 12.0mm. Số lỗ trên thân nẹp: từ 4 đến 12 lỗ; tương ứng với chiều dài từ 54/66/78/90/102/114/126/138/150mm, chất liệu thép không gỉ	10	Cái
112	Nẹp mắt xích các loại	Loại (6 lỗ, 8 lỗ, 10 lỗ, 12 lỗ, 14 lỗ, 16 lỗ) vít 3.5 mm. Chất liệu thép không gỉ	10	Cái

STT	Tên danh mục	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Đơn vị tính
113	Vít cứng đường kính 2,5 các loại	đường kính ren 2.5mm; - chiều dài mỗi cỡ tăng 2mm từ 14mm đến 60mm; tăng 5mm từ 60mm đến 70mm; Tương thích trợ cụ đồng bộ bắt vít chất liệu thép không gỉ,	100	Cái
114	Vít cứng đường kính 3,5 các loại	đường kính ren 3.5mm; đường kính mũ vít lục giác 5.9mm; bước ren 1.25.mm, mũi tô vít 2.5mm; - chiều dài từ 10-60mm; Tương thích trợ cụ đồng bộ bắt vít ; chất liệu thép không gỉ,	200	Cái
115	Vít cứng đường kính 4,5 các loại	đường kính ren 4.5mm; đường kính mũ vít 7.9mm; mũi tô vít 3.5mm- chiều dài mỗi cỡ tăng 2mm từ 14mm đến 60mm; tăng 5mm từ 60mm đến 70mm; Tương thích trợ cụ đồng bộ bắt vít chất liệu thép không gỉ,	200	Cái
116	Vít xóp các loại	Dài 12 - 60mm; chất liệu thép không gỉ,	50	Cái
III. Vật tư y tế nha khoa				
117	Acid etching enamel & dentin hoặc tương đương	Axit dùng trong trám răng	10	Tuýp
118	Bôi trơn ống tủy Glyde hoặc tương đương	Tuýp 7,5gam	2	Tuýp
119	Bond hoặc tương đương	Lọ 6 gam	5	Lọ
120	Cán gương	Dùng trong nha khoa. Hộp 1 Cái	20	Cái
121	Chất diệt tuỷ Septudon hoặc tương đương	Chất diệt tuỷ, Dùng trong nha khoa, Lọ 5g	3	Lọ
122	Cốc nhựa dùng 1 lần	Dùng trong nha khoa	1.200	Cái
123	Côn giấy các cỡ	Dùng trong nha khoa	20	Hộp
124	Kim tiêm nha khoa	Kim G27x0,3x4,5cm; kim sắc bén, tiết trùng.	1.200	Cái
125	Mũi khoan răng các loại	Sản phẩm này được dùng để khoan các mô cứng như răng và xương, được làm từ thép cacbon và thép không gỉ.	50	Cái
126	Ống hút nha/ Ống hút nước bọt	Ống nhựa trong, có dây kim loại được che kín trong thành ống.	1.200	cái

STT	Tên danh mục	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Số lượng	Đơn vị tính
127	Sò đánh bóng	Là bột đánh bóng sau cạo vôi, mùi vị tuyệt vời với nhiều hương, mịn, dùng loại bỏ mảng bám...	50	Viên
128	Vật liệu hàn răng, trám răng (Caviton hoặc tương đương).	Chất hàn tạm dùng trong nha khoa, Lọ 30 gam	5	Lọ
129	Vật liệu sát trùng ống tủy (CPC hoặc tương đương).	Dung dịch sát trùng nhanh dùng trong điều trị nhiễm trùng tủy và đỉnh tủy	4	Lọ
130	Vật liệu trám bít tủy răng các loại (gutta hoặc tương đương).	Trám vít ống tủy, thay thế hệ thống ống tủy.	10	Hộp
131	Vật liệu trám răng (Eugenol hoặc tương đương).	Thành phần là dầu Eugenol dùng phối trộn với oxid kẽm làm giảm đau trong thủ thuật nha khoa	4	Lọ
132	Vật liệu trám răng bít ống tủy (Calcium hydroxide hoặc tương đương).	Bột Calcium Hydroxide sát trùng dùng trong chữa trị ống tủy. Lọ/10g	2	Lọ
133	Vật liệu trám răng composite đặc hoặc tương đương	Dùng trong nha khoa, tuýp 3g.	20	Tuýp
134	Xi măng hàn răng (Cortisolol hoặc tương đương).	Dùng hàn ống tủy. Hộp/23g	2	Lọ
135	Xi măng hàn, trám răng vĩnh viễn (Fuji IX hoặc tương đương).	Tăng cường phóng thích Fluoride, vật liệu trám răng vĩnh viễn. Hộp 5g	5	Hộp
136	Xi măng hàn, trám răng sữa (Fuji VII hoặc tương đương)	Là loại vật liệu Glass Ionomer phóng thích flouride mạnh được phát triển để bảo vệ những bề mặt có nguy cơ sâu răng cao (trám răng sữa). Hộp 5g.	5	Hộp